NGÂN HÀNG TMCP **VIỆT Á**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /2025/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: *"Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á"*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);*
- *Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);*
- *Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"),*

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế Quản trị nội bộ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024, theo đó sẽ có nhiều điểm mới, thay đổi liên quan về khuôn khổ quản trị và hoạt động của ngân hàng.

Trên cơ sở rà soát lại Quy chế Quản trị nội bộ VAB, căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và căn cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của VAB là cần thiết để:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty đại chúng (như là Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC) vì VAB cũng là 1 công ty đại chúng.
- Đảm bảo tuân thủ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
- Đảm bảo tuân thủ các nội dung theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế Quản trị nội bộ VAB: theo nội dung tại Bảng so sánh Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2024 và sau khi sửa đổi - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

a. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB;

b. Chấp thuận giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc như sau:

(i) Ký ban hành Quy chế Quản trị nội bộ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2025 thông qua tại cuộc họp;

(ii) Xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB căn cứ trên các quy định pháp luật hiện hành giữa 02 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và/hoặc theo hướng dẫn, yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(iii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại website của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện.

c. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại Quy chế Quản trị nội bộ VAB 2024.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phương Thành Long

Nơi nhận:
- *Quý Cổ đông;*
- *TV HĐQT, BKS;*
- *Lưu Phòng PC&GSTT.*

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VAB

STT	Điều khoản sửa đổi		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2024	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2025 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
1.			Header: Địa chỉ cũ	Header: Địa chỉ hiện tại	Cập nhật theo thông tin hiện tại.
2.			Ban điều hành	Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	Sửa đổi để thống nhất với các quy định tại Điều lệ.
3.	**Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh**	**Khoản 1**	1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"), đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"), quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.	Điều chỉnh quy định tương ứng theo mẫu Quy chế quản trị nội bộ tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
		Khoản 2	2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát, Ban điều hành và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.	2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Tổng	

				Giám đốc và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.	
4.	**Điều 4. Giải thích thuật ngữ**		Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.	Các từ ngữ và thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB có cùng ý nghĩa khi áp dụng trong Quy chế này. Mọi tham chiếu đến một hoặc nhiều quy định hay văn bản khác đều bao gồm cả các nội dung sửa đổi hoặc các văn bản thay thế của những quy định, văn bản đó. Trường hợp các định nghĩa không được thể hiện trong Quy chế này hoặc không còn phù hợp, sẽ áp dụng các quy định mới theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều lệ của VAB ban hành từng thời kỳ.	Sửa đổi lại cách diễn đạt nhằm đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.
5.	**Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**	**Khoản 2, Khoản 3**	2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. 3. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB.	2. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 67.3 Luật các TCTD 2024.
6.	**Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**		a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Qquản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết.	a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp.
7.	**Điều 8. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua**	**Khoản 2**	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB và theo quy định tại Điều lệ VAB.	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán	Sửa đổi phù hợp với thực tế hiện hành của VAB và đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.

	Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông			Việt Nam (VSDC) cung cấp và theo quy định tại Điều lệ VAB.	
		Khoản 7	7. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đôngĐHĐCĐ: Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đôngĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	Bỏ	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều lệ VAB.
		Khoản 10	10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB và Quy chế này. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.	10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.	Sửa đổi phù hợp với thực tế hiện hành của VAB và đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.
8.	**Điều 9. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn**	**Khoản 3**	3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB. Hướng dẫn cụ thể liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này.	3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được hướng dẫn tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này, các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.	Sửa đổi lại cách diễn đạt cho phù hợp theo quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.

	bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác				
9.	**Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị trong quản trị**	**Khoản 3**	3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định theo pháp luật hiện hành, quy định nội bộ và Điều lệ VAB từng thời kỳ.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 69 Luật các TCTD 2024 và theo quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
10.	**Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kkiểm soát trong quản trị ngân hàng**	**Khoản 3**	3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ của VAB, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.	Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội, bộ giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.	Sửa đổi phù hợp với thực tế.
		Khoản 4	Ban Kiểm soát xây dựng ban hành và thực hiện các Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.	
11.	**Điều 21. Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**		Chưa có quy định.	Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ, quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung thêm nội dung.
	CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC				

12.	**Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác**	**Khoản 1**	1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.	Bỏ quy định này.	Sửa đổi thống nhất với các quy định tại Điều lệ.
		Khoản 2	2. Ban điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	6. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	
		Khoản 3	3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VAB và việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ VAB.	1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VAB.	
		Khoản 4	4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.	2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.	
		Khoản 5	5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB	3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	

		Khoản 6	6. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.	5. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.	
		Khoản 7	7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.	7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.	
			Chưa có quy định.	4. Giám đốc Khối Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	
13.	**Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác**	**Khoản 3**	3. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.	3. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên	Sửa đổi để thống nhất nội dung.
14.	**Điều 28. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và**	**Khoản 2**	2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.	2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.	Sửa đổi để thống nhất nội dung.
		Khoản 3	3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm	3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm,	

	Người điều hành khác		thành viên Ban điều hành theo các quy định pháp luật hiện hành.	bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo các quy định pháp luật hiện hành.	
15.	**Điều 29. Quyết định, chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác**	**Khoản 1**	1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc c. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám Khối và thành viên điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.	1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc: c. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.	Sửa đổi để thống nhất nội dung.
		Khoản 2	2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ. b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc. c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám	2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác: a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ. b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc. c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.	

			đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác		
		Khoản 3	3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật kế toán và các quy định về kế toán của VAB.	3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kế toán, các quy định pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ và Điều lệ của VAB trong từng thời kỳ.	
		Khoản 4	4. Báo cáo a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của thành viên Ban điều hành có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến Hội đồng quản trị để báo cáo. b. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.	4. Báo cáo: a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến Hội đồng quản trị để báo cáo. b. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.	
16.	**Điều 35. Giao dịch với người có liên quan**	**Khoản 1**	1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Ban điều hành tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).	1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng Giám đốc và/hoặc Người điều hành khác tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).	Điều chỉnh lại cho thống nhất toàn văn bản.

17.	**Điều 43. Hiệu lực thi hành**	**Khoản 4**	4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định sau khi được ĐHĐCĐ phân công hoặc do HĐQT ban hành sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cá nhân, Đơn vị liên quan trong toàn hệ thống VAB có trách nhiệm thi hành Quy chế này	4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Quy chế quản trị nội bộ VAB sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ giao HĐQT ký ban hành Quy chế và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật.	Sửa đổi để làm rõ quy định.
18.	**Điều 2 – Phụ lục I**	**Khoản b**	b. Đại biểu là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.	b. Đại biểu là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và biểu quyết tại cuộc họp.	Điều chỉnh đáp ứng trường hợp biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tiếp bằng phương thức bỏ phiếu điện tử
		Khoản e	e. Bỏ phiếu điện tử là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.	e. Bỏ phiếu điện tử là việc Đại biểu thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.	

QUY CHẾ

QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ……. ngày ….. tháng….. năm ... của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"), quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Cơ cấu quản trị, điều hành hợp lý, hiệu quả.
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; nâng cao trách nhiệm của HĐQT.
4. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị VAB.
5. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông.
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của VAB; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
7. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

Điều 3. Cơ cấu quản trị VAB

Cơ cấu quản trị VAB gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Các từ ngữ và thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB có cùng ý nghĩa khi áp dụng trong Quy chế này. Mọi tham chiếu đến một hoặc nhiều quy định hay văn bản khác đều bao gồm cả các nội dung sửa đổi hoặc các văn bản thay thế của những quy định, văn bản đó.Trường hợp các định nghĩa không được thể hiện trong Quy chế này hoặc không còn phù hợp, sẽ áp dụng các quy định mới theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều lệ của VAB ban hành từng thời kỳ.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, cổ đông VAB có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VAB có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VAB công bố theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB, nghị quyết/quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định/nghị quyết đó theo quy định của pháp luật.
4. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
   a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VAB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
   b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định nội bộ của VAB.

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ VAB tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 7. Cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ của VAB được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Họp ĐHĐCĐ bất thường: ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ VAB.

c. VAB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của VAB dự họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VAB có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

d. Các trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ khác và nội dung liên quan thực thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 8. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ được triệu tập bởi HĐQT hoặc theo các trường hợp quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp và theo quy định tại Điều lệ VAB.

3. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự họp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ VAB.

5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ:

   Chương trình họp ĐHĐCD, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VAB. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

   a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến VAB, xác nhận với người được ghi tên thay mặt VAB tiếp nhận xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ trên thông báo mời họp qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax hoặc hình thức khác được ghi trên thông báo mời họp.

   b. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:

      - Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
      - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được uỷ quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

7. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

8. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại điều lệ VAB và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trên Website của VAB trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Website của VAB.

9. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; VAB thực hiện gửi nghị quyết bằng việc đăng tải lên Website của VAB, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB.

2. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.

3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được hướng dẫn tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này, các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

   a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.

   b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT.

   c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về

hoạt động của HĐQT (đối với trường hợp VAB đã niêm yết).

d. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc HĐQT (nếu có).

e. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.

f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

g. Các kế hoạch trong tương lai.

h. Báo cáo về các giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VAB.

d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của VAB.

e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

f. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của VAB và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của VAB là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý VAB trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Cơ cấu thành phần của HĐQT, số lượng thành viên HĐQT độc lập đảm bảo theo quy định tại Điều lệ VAB.

3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn

chế. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định theo pháp luật hiện hành, quy định nội bộ và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.

2. Giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

b. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.

5. Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.

6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, nhận được đơn xin từ chức của thành viên HĐQT, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 14. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của VAB.
3. Thành viên HĐQT không cùng đảm nhiệm các chức vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định theo Điều lệ VAB và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự, thủ tục họp quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
2. Chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
3. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 17. Nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT VAB.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát và 01 bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau ban hành.
3. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ. Mọi bộ phận, cá nhân trong VAB, kể cả thành viên HĐQT đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.
4. Tổng Giám đốc và/hoặc người được Tổng Giám đốc phân công chỉ đạo chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc phải nhanh chóng báo cáo Chủ tịch HĐQT trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của VAB để HĐQT xem xét. Trường hợp HĐQT không ban hành nghị quyết, quyết định thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được ban hành.

Điều 18. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ VAB và theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do HĐQT quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
   a. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT
   b. Cơ cấu của các Ủy ban/Hội đồng
   c. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban/Hội đồng , chủ tịch Ủy ban/Hội đồng

d. Việc thành lập Ủy ban/Hội đồng

e. Trách nhiệm và nội dung hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng và từng thành viên.

Chương IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị ngân hàng

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trưởng Ban Kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội, bộ giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 21. Thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ, quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát
   a. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
   b. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
2. Giới thiệu ứng viên thành viên Ban Kiểm soát
   a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
   b. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
      - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Giám sát tình hình tài chính VAB, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VAB của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của VAB, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
4. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 24. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 25. Quyết định của Ban Kiểm soát

1. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Quyết định của Ban Kiểm soát phải được gửi 01 bản cho các thành viên HĐQT và 01 bản cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện ngay sau khi ban hành.

Chương V
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác[1]

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VAB.
2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.
3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
4. Giám đốc Khối Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công; ủy quyền của Tổng Giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
5. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
6. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.

Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

[1] **Người điều hành khác** được hiểu là những Người điều hành (theo khoản 13 Điều 1 Điều lệ VAB) còn lại ngoài Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

1. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.
2. Kế toán trưởng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ của VAB.
3. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.

Điều 28. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. HĐQT lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm một trong số các thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định nội bộ VAB.
2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.
3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Quyết định, chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc:
   a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được HĐQT phân cấp theo quy định nội bộ VAB và quy định pháp luật, Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động VAB phát triển an toàn, bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong từng thời kỳ.
   b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc có hiệu lực cao nhất đối với mọi cán bộ trong VAB, trừ các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.
   c. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác
   a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ.
   b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
   c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính

   Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kế toán, các quy định pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ và Điều lệ của VAB trong từng thời kỳ.

4. Báo cáo

a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến HĐQT để báo cáo.

b. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.

HĐQT

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo nguyên tắc:

1. Luôn vì lợi ích chung của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Tổng Giám đốc

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của VAB, Quy chế này và quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (không bao gồm các vấn đề ĐHĐCĐ đã ủy quyền việc ra quyết định cho HĐQT) và các vấn đề xin chấp thuận/phê duyệt của Ngân hàng nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi HĐQT các biên bản, kết luận các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Điều hành trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT kết quả thực hiện các các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông định kỳ hàng quý.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.
6. HĐQT được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các Đơn vị báo cáo thực hiện công việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho HĐQT phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của VAB, phù hợp với yêu cầu quản trị ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

7. HĐQT tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành VAB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban Kiểm soát

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. HĐQT đảm bảo quyền của Ban Kiểm soát được tiếp cận, cung cấp thông tin, tài liệu, quyền tham gia các cuộc họp được triệu tập theo quy định của HĐQT.
3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB.
4. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.
5. Ban Kiểm soát phối hợp và thông tin kịp thời cho HĐQT về kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ, tham khảo ý kiến của HĐQT đối với các nội dung báo cáo, tài liệu của Ban Kiểm soát trước khi trình ĐHĐCĐ hoặc cung cấp/công bố cho các đơn vị bên ngoài VAB.

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Tổng Giám đốc

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
   a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp. Khi tham dự họp, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Chủ tọa và/hoặc thư ký cuộc họp gửi cho Ban Kiểm soát 01 biên bản họp này.
   b. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Ban Kiểm soát đó được phân công thực hiện.
   c. Tổng Giám đốc chịu mọi trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin và báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
   d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB, Tổng Giám đốc cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.
2. Phối hợp khác

   Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thực quản trị, điều hành ngân hàng. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban Kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.
3. Các nội dung phối hợp cụ thể giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định nội bộ của VAB ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VAB vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch do chính thành viên đó hoặc do những người có liên quan của thành viên đó thực hiện có liên quan đến VAB theo quy định tại Điều lệ VAB. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, VAB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát trong các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích trong giao dịch này chưa được xác định, và/hoặc cho dù lợi ích này là vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong báo cáo tài chính thường niên.
6. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VAB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng Giám đốc và/hoặc Người điều hành khác tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ VAB và các cổ đông sở hữu tối thiểu 05% số cổ phần có quyền biểu quyết của VAB cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.
3. VAB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của VAB.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến VAB

1. VAB tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến VAB bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ của VAB, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến VAB.
2. VAB hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến VAB thông qua việc:
   a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của VAB và đưa ra quyết định.
   b. Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến VAB đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
   c. VAB tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VIII
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc quyết định của HĐQT, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

1. Tự nhận xét đánh giá;
2. Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
3. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
4. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
5. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

Điều 38. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác tối thiểu bao gồm các tiêu chí như sau:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ VAB và quy định pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực và cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 39. Xếp loại, đánh giá

1. Việc xếp loại, đánh giá thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo quy định của VAB.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại VAB.

Điều 40. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng
   a. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của VAB.
   b. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB tại từng thời điểm.
2. Kỷ luật, bồi thường thiệt hại
   a. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của VAB, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý theo các hình khác theo quy định pháp luật và/hoặc VAB và bồi thường thiệt hại cho VAB.
   b. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo Nội quy lao động, Quy chế xử lý kỷ luật và các văn bản khác của VAB tại từng thời kỳ.

Chương IX
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Công bố thông tin

HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chế về công bố thông tin và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy cán bộ, nhân viên nào của VAB (bao gồm cả thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Trưởng Ban Kiểm soát.
2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được HĐQT xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật và/hoặc quy định của VAB. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho VAB, người vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho VAB.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.
3. Các nội dung chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp

luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB tùy từng thời điểm do HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc ban hành.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Quy chế quản trị nội bộ VAB sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ giao HĐQT ký ban hành Quy chế và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật.

5. Quy định chuyển tiếp:

   a. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ VAB có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều lệ VAB được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

   b. HĐQT của VAB được bầu trước ngày Điều lệ VAB có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Điều lệ VAB được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.

   c. Ban Kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều lệ VAB được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I
TỔ CHỨC ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phụ lục này quy định về việc tổ chức và tham dự ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) của VAB theo hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
2. Phụ lục này áp dụng đối với toàn bộ cổ đông của VAB và trong toàn hệ thống VAB.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Phụ lục này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **Điều lệ** là Điều lệ hoạt động hiện hành đang được áp dụng của VAB.

b. **Đại biểu** là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và biểu quyết tại cuộc họp.

c. **ĐHĐCĐ trực tuyến** là các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường của VAB được tổ chức dưới hình thức sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống trực tuyến kết nối bằng internet để các Đại biểu tham gia dự họp thực hiện các quyền biểu quyết, ý kiến, chất vấn và các quyền liên quan của mình khi tham dự ĐHĐCĐ. VAB có thể lựa chọn:

   i. Đại hội cổ đông trực tuyến toàn phần: là toàn bộ các Đại biểu tham gia trực tuyến; hoặc,

   ii. Đại hội cổ đông trực tuyến một phần: là các Đại biểu có thể lựa chọn tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến.

d. **Đại hội truyền thống** là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

e. **Bỏ phiếu điện tử** là việc Đại biểu thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

f. **Bỏ phiếu truyền thống** là việc Đại biểu tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội truyền thống.

g. **Hệ thống bỏ phiếu điện tử** là hệ thống do VAB quy định và thông báo nhằm cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện quyền biểu quyết khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.

h. **Sự kiện bất khả kháng** là những sự việc xảy ra ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của người triệu tập đại hội, người điều hành đại hội và không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp sau: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác....

i. **Ngày đăng ký cuối cùng** là ngày làm việc do VAB ấn định để xác định danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ phù hợp với thông báo của VAB và quy định pháp luật.

Điều 3. Các nguyên tắc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Được thực hiện và tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
2. Đảm bảo tính phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế; mang lại hiệu quả và an toàn cho việc tổ chức ĐHĐCĐ.
3. Đảm bảo không bỏ sót bất cứ thủ tục nào theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ, đáp ứng đầy đủ lợi ích hợp pháp của cổ đông như tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp.
4. Đảm bảo việc bỏ phiếu minh bạch, công khai và thống kê chính xác.

Điều 4. Các trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và nguyên tắc bỏ phiếu

1. Việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến được tiến hành căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của VAB cũng như yêu cầu xã hội và đảm bảo tuân thủ các quy định về tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
    a. Khi xảy ra dịch bệnh, thiên tai, có lệnh hạn chế hoặc cấm đi lại (nội địa và/hoặc quốc tế).
    b. Phải thực hiện cách ly xã hội hoặc phong tỏa từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
    c. Các lý do khách quan và/hoặc trường hợp khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không thể tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp.
2. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến
    a. Số Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến (tổ chức cuộc họp lần 1, lần 2 và lần 3) theo quy định tại Điều lệ VAB hiện hành.
    b. Hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đảm bảo đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, không bị/ hạn chế bị gián đoạn; địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác đáp ứng kịp thời cho việc truyền thông tin, hình ảnh, dữ liệu; đảm bảo an toàn bí mật thông tin, việc truyền và tiếp nhận thông tin tuân thủ theo quy định Luật an toàn thông tin mạng và quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước; cuộc họp và dữ liệu điện tử của chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến phải được lưu trữ, trích xuất theo quy định.
3. Nguyên tắc bỏ phiếu theo từng hình thức tổ chức ĐHĐCĐ:
    a. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến toàn phần: sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử để thực hiện việc biểu quyết.
    b. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến một phần hoặc trực tiếp: sử dụng hình thức bỏ phiếu truyền thống kết hợp với bỏ phiếu điện tử tùy theo tình hình, nhu cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.
    c. Trường hợp phát sinh nội dung mới cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ thì Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu quy định tại điểm b khoản này tương tứng với hình thức tham dự của từng Đại biểu.
4. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT/Người triệu tập quyết định hình thức tổ chức họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên và/hoặc bất thường (họp trực tiếp và/hoặc trực tuyến, bỏ phiếu truyền thống và/hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép) và thông báo tới các cổ đông khi quyết định thực hiện căn cứ theo tình hình và điều kiện thực tế tại thời điểm dự kiến tổ chức cuộc họp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép phải bao gồm đầy đủ và theo trình tự, đảm bảo thời gian các thủ tục cần thực hiện tương tự như tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi lại thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông/đăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; công bố thông tin liên quan…) cũng như phải đảm bảo các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội…).

Điều 6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ của VAB theo thông báo quyền dự họp của VAB đều được tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Phụ lục này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
3. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:
    a. Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho duy nhất một cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu biểu quyết.
    b. Cổ đông là tổ chức: tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.
    c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền để có cơ sở để cấp mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số CMND/CCCD/Mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ liên lạc.
    d. Hiệu lực của việc ủy quyền: việc ủy quyền của các cổ đông chỉ có hiệu lực khi thỏa mãn đủ các điều kiện sau:
        i. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
        ii. Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
        iii. VAB nhận được bản chính Giấy ủy quyền nêu trên trước 04 ngày khi ĐHĐCĐ được khai mạc chính thức.
    e. Khi ủy quyền có hiệu lực theo như điểm d khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua số điện thoại theo thông tin được cung cấp tại Giấy ủy quyền.
    f. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy

quyền trực tuyến cho VAB. Việc hủy ủy quyền chỉ có hiệu lực khi VAB nhận được văn bản đề nghị hủy ủy quyền trước khi ĐHĐCĐ khai mạc chính thức.

g. Hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử để biểu quyết với vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Cung cấp thông tin và cách thức đăng nhập để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Đại biểu được nhận Thư mời họp trực tuyến có hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự ĐHĐCĐ cũng như các tài liệu cho Đại hội.
2. Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện theo tài liệu hướng dẫn có trong Thư mời để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu trước khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến. Đại biểu đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo quy định là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.
3. Sau khi xác thực tư cách Đại biểu hợp lệ, VAB sẽ gửi thông tin được cấp duy nhất cho từng Đại biểu gồm mã đăng nhập (user) và mật khẩu (password) vào số điện thoại do Đại biểu đăng ký. Việc đăng nhập đúng bằng user và đúng password do VAB cấp được xem là chính Đại biểu xác nhận tham dự Đại hội. Đại biểu đăng nhập bằng user và password được cấp để bắt đầu tham dự Đại hội theo như hướng dẫn của VAB đã cung cấp trong Thư mời họp.
4. Đại biểu không đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu với VAB theo khoản 2 Điều này sẽ không được tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến nhưng vẫn có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp (nếu ĐHĐCĐ tổ chức trực tuyến một phần).
5. Trường hợp Đại biểu muốn đăng ký thay đổi/đăng ký mới thông tin định danh khác với thông tin đã đăng ký với VAB thì liên hệ với VAB để cập nhật thông tin trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VAB.
6. VAB không chịu trách nhiệm đối với việc Đại biểu không cập nhật và/hoặc không cập nhật kịp với VAB các thông tin định danh mới làm ảnh hưởng đến việc tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 8. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Đại biểu được hệ thống trực tuyến ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống trực tuyến bằng các thông tin và theo cách thức đăng ký tham dự quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
2. Việc Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống trực tuyến được xem như Đại biểu trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử cũng có giá trị như kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ.
3. Hệ thống trực tuyến sẽ bắt đầu ghi nhận việc Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác sớm hơn theo thông báo mà VAB gửi cho cổ đông.
4. Ban kiểm tra Đại biểu căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các Đại biểu để làm cơ sở xác định số Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Nguyên tắc:

a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung được trình bày trong chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến.

b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

c. Đại biểu có thể phát biểu, góp ý trực tiếp với Đại hội thông qua hệ thống âm thanh, hình ảnh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình chat với Ban thư ký Đại hội.

d. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa Đại hội chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.

b. Trường hợp do thời gian bị giới hạn, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VAB trả lời sau.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **"tán thành"**, **"không tán thành"**, **"không ý kiến"** với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết (đối với bỏ phiếu điện tử) để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

a. Việc bỏ phiếu điện tử chỉ được thực hiện khi Đại biểu đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức quy định tại Điều 7 Phụ lục này.

b. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện vào thời điểm diễn ra cuộc họp và theo diễn tiến cuộc họp cho từng vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội. Đại biểu biểu quyết theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội/người điều hành Đại hội cho các vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội và theo Điều lệ.

c. Trường hợp Đại biểu đang kết nối không thực hiện biểu quyết quyết thì được hiểu là Đại biểu đó bỏ phiếu **"không ý kiến"** đối với các nội dung xin ý kiến biểu quyết của Đại biểu.

d. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết đối với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu bỏ phiếu **"không ý kiến"** đối với các nội dung này.

e. Khi tiến hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo trực tiếp thời gian bỏ phiếu điện tử đối với từng nội dung được biểu quyết. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

f. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết trong thời gian biểu quyết nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết (bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội). Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ

phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu đối với từng nội dung được biểu quyết theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội.

g. Đại biểu dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử thì các nội dung nào Đại biểu đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu và không được tính vào tỷ lệ cổ đông biểu quyết đối với nội dung chưa bỏ phiếu này. Trường hợp Đại biểu kết nối lại thì Đại biểu được tiếp tục bỏ phiếu nếu chưa kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử của đợt kiểm phiếu đó theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết các nội dung còn lại mà Đại hội chưa tiến hành biểu quyết.

h. Trường hợp Đại biểu gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung biểu quyết, Đại biểu không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã biểu quyết và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả biểu quyết này.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu.

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. Hệ thống sẽ kết xuất biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà Đại biểu thực hiện biểu quyết.
2. Tổng số biểu quyết của từng nội dung biểu quyết tại Đại hội trực tuyến toàn phần là tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó của tất cả Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến. Tổng số biểu quyết tại Đại hội trực tuyến một phần kết hợp trực tiếp bao gồm phiếu biểu quyết hợp lệ của hình thức bỏ phiếu điện tử cộng với hình thức bỏ phiếu truyền thống của tất cả các Đại biểu tham dự.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 11 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo báo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 13. Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến

Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết tương tư như tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại Điều lệ.

Điều 14. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam;
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến được lập và thông qua tương tự như Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định tại

Điều 9 Phụ lục này.

3. Phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCĐ trực tuyến.
4. Đại biểu có trách nhiệm bảo mật mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) để đảm bảo rằng chỉ Đại biểu mới có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu của Đại biểu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của Đại biểu và Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước VAB về kết quả bỏ phiếu trên.
5. Đại biểu phải thông báo ngay cho VAB để kịp thời xử lý khi phát hiện mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) bị mất, đánh cắp, bị lộ hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu mọi trách nhiệm đối với tất cả các thiệt hại, tổn thất, rủi ro khác xảy ra trước thời điểm VAB nhận được thông báo của Đại biểu nếu nguyên dân là do lỗi của Đại biểu.
6. Đại biểu đồng ý để VAB cung cấp các dữ liệu thông tin của Đại biểu cho Bên thứ ba có liên quan (nếu có, như bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử ...) để hỗ trợ việc thực hiện các quyền của Đại biểu trong việc tham dự ĐHĐCĐ tực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 16. Trường hợp diễn ra sự kiện bất khả kháng

Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để ĐHĐCĐ có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Phụ lục này có hiệu lực theo hiệu lực của Quy chế quản trị nội bộ.
2. Phụ lục này là một phần đính kèm, không thể tách rời của Quy chế quản trị nội bộ.
3. Những vấn đề về tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử chưa được đề cập đến trong Phụ lục này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và các văn bản khác có liên quan của VAB.
4. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật có liên quan dẫn đến các quy định tại Phụ lục này khác với Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó.
5. Toàn thể cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác, các Đơn vị và các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thông VAB có trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục này.